

Số: 446/QĐ-ĐHTG

Tiền Giang, ngày 12 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp đối với sinh viên các khóa đào tạo
Năm 2024 - đợt 3 (Bổ sung)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG

Căn cứ Quyết định số 132/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tiền Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐT ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Tiền Giang về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Tiền Giang;

Căn cứ Quyết định số 559/QĐ-ĐHTG ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Trường Đại học Tiền Giang về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tiền Giang;

Căn cứ Biên bản họp số 67/BB-ĐHTG ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp năm 2024 của Trường Đại học Tiền Giang;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho **93** (chín mươi ba) sinh viên trình độ cao đẳng chính quy.

(Danh sách đính kèm).

Điều 2. Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng các đơn vị thuộc Trường có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, QLĐT.



Lê Minh Tùng

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

NĂM 2024 - ĐỢT 3 (Bổ sung)

(Kèm theo Quyết định số: 446 /QĐ-DHTG ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Trường Đại học Tiền Giang)

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Khóa	Tên ngành học	TD	HT ĐT	ĐRL TL	STC TL	ĐTBCL TL	Hạng Tốt nghiệp
1	121319003	Triệu Thị Thanh Trúc	Nữ	08/10/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	75.67	104	3.24	Giỏi
2	121319004	Lê Nguyễn Bảo Trân	Nữ	01/04/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	72.17	104	3.02	Khá
3	121319006	Phạm Ngọc Bảo Châu	Nữ	15/07/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	76.00	102	3.21	Giỏi
4	121319007	Nguyễn Kim Yến	Nữ	19/11/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	89.17	106	3.20	Giỏi
5	121319011	Nguyễn Thị Thảo Uyên	Nữ	01/06/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	74.67	102	2.91	Khá
6	121319012	Nguyễn Thị Lệ Vy	Nữ	09/02/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	76.67	102	3.28	Giỏi
7	121319014	Trần Thị Mỹ Duyên	Nữ	25/05/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	78.67	104	3.45	Giỏi
8	121319015	Nguyễn Thị Cẩm Huyền	Nữ	23/05/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	77.67	104	3.56	Giỏi
9	121319016	Đinh Thị Mỹ Quỳnh	Nữ	27/04/1996	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	80.83	106	3.57	Giỏi
10	121319017	Hồ Kiều Anh	Nữ	23/07/2002	TP. Hồ Chí Minh	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	75.33	102	3.15	Khá
11	121319019	Mai Thanh Hậu	Nam	19/12/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	70.33	104	2.80	Khá
12	121319023	Đinh Thị Kim Ngân	Nữ	14/10/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	75.00	104	3.21	Giỏi
13	121319024	Nguyễn Thị Diễm Phúc	Nữ	08/05/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	76.83	102	3.28	Giỏi
14	121319027	Nguyễn Thị Huỳnh Ngân	Nữ	25/04/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	71.17	104	2.90	Khá
15	121319028	Nguyễn Hà Ngọc Trâm	Nữ	21/11/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	76.00	104	3.00	Khá
16	121319029	Nguyễn Ngọc Bích Châu	Nữ	07/03/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	79.83	106	3.19	Khá
17	121319030	Nguyễn Thị Cẩm Thuý	Nữ	18/09/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	80.67	104	3.16	Khá
18	121319034	Nguyễn Thị Ngọc Nguyên	Nữ	12/08/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	76.33	104	3.43	Giỏi
19	121319035	Võ Thị Tuyết Như	Nữ	12/02/2003	Vĩnh Long	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	87.33	104	3.40	Giỏi

Sst	MSSV	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Khóa	Tên ngành học	TĐ	HT ĐT	ĐRL TL	STC TL	ĐTBCTL	Hạng Tốt nghiệp
20	121319036	Nguyễn Thị Yến	Nữ	17/09/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	74.83	102	3.19	Khá
21	121319042	Võ Thị Phương	Nữ	10/10/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	91.00	102	3.43	Giỏi
22	121319047	Đinh Thị Thanh	Nữ	17/11/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	73.00	104	3.16	Khá
23	121319048	Triệu Thu	Nữ	20/02/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	73.17	104	3.36	Giỏi
24	121319050	Bùi Đăng Tường	Nữ	11/10/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	81.67	102	3.39	Giỏi
25	121319051	Trần Ánh	Nữ	18/09/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	73.33	102	2.94	Khá
26	121319052	Dương Thị Tường	Nữ	16/02/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	72.83	102	3.19	Khá
27	121319055	Trần Ngọc	Nữ	21/09/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	70.33	102	3.22	Giỏi
28	121319057	Nguyễn Thị Bích	Nữ	03/06/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	74.83	102	3.23	Giỏi
29	121319058	Thái Kim	Nữ	28/09/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	77.00	104	3.16	Khá
30	121319059	Phan Ý	Nữ	03/10/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	71.33	102	3.22	Giỏi
31	121319060	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	28/12/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	89.67	104	3.55	Giỏi
32	121319063	Võ Thị Kim	Nữ	29/10/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	87.17	102	3.31	Giỏi
33	121319064	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	25/12/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	72.00	102	2.94	Khá
34	121319065	Lê Thị Thanh	Nữ	27/11/2001	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	83.83	106	3.19	Khá
35	121319066	Lê Thị Mỹ	Nữ	19/03/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	74.17	104	3.33	Giỏi
36	121319067	Nguyễn Thị Cẩm	Nữ	05/07/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	73.17	102	3.25	Giỏi
37	121319069	Trần Thị Bảo	Nữ	20/05/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	77.83	102	3.15	Khá
38	121319072	Võ Thị Thuý	Nữ	08/06/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	71.83	102	3.10	Khá
39	121319075	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	27/01/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	71.50	102	2.84	Khá
40	121319076	Võ Thị Yến	Nữ	03/12/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	81.67	102	3.17	Khá
41	121319077	Bùi Ngọc	Nữ	03/04/2003	Bến Tre	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	77.50	102	2.95	Khá
42	121319078	Nguyễn Thị Mỹ	Nữ	27/01/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	75.33	102	3.23	Giỏi
43	121319081	Lê Thị Kim	Nữ	25/06/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	71.50	102	3.05	Khá

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Khóa	Tên ngành học	TĐ	HT ĐT	ĐRL TL	STC TL	ĐTB TL	Hạng . Tốt nghiệp
44	121319083	Nguyễn En Ni	Nữ	16/08/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	75.83	102	3.22	Giỏi
45	121319086	Kiều Vân Nga	Nữ	21/12/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	72.17	102	2.99	Khá
46	121319090	Nguyễn Thị Mỹ Thanh	Nữ	06/05/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	72.33	102	3.09	Khá
47	121319092	Dương Thị Ngọc Dung	Nữ	07/07/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	73.33	102	3.22	Giỏi
48	121319093	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Nữ	20/10/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	74.67	104	3.29	Giỏi
49	121319096	Phạm Thị Kim Ý	Nữ	05/11/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	79.33	100	3.38	Giỏi
50	121319098	Nguyễn Cẩm Phương Thảo	Nữ	04/10/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	72.67	102	3.12	Khá
51	121319101	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	01/07/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	74.83	104	3.28	Giỏi
52	121319102	Dương Thị Thuý Hằng	Nữ	11/03/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	73.50	102	3.38	Giỏi
53	121319103	Ngô Trần Kim Quyên	Nữ	16/07/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	77.33	102	3.24	Giỏi
54	121319105	Nguyễn Phi Phụng	Nữ	16/12/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	93.33	104	3.48	Giỏi
55	121319108	Phạm Thị Hồng Loan	Nữ	22/06/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	71.50	104	3.10	Khá
56	121319109	Lê Thị Mỹ Chi	Nữ	06/01/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	75.33	102	3.55	Giỏi
57	121319111	Đỗ Thị Cẩm Huỳnh	Nữ	13/01/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	80.50	102	3.32	Giỏi
58	121319114	Trương Thị Thảo Lan	Nữ	20/08/2000	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	71.33	104	3.16	Khá
59	121319115	Trịnh Thị Phương Quyên	Nữ	19/05/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	77.33	102	3.41	Giỏi
60	121319116	Hồ Hoàng Uyên	Nữ	17/11/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	73.00	104	3.07	Khá
61	121319117	Phan Thị Ngọc Diệp	Nữ	18/02/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	75.33	104	3.05	Khá
62	121319118	Lê Thị Thuý Hằng	Nữ	21/07/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	82.50	104	3.25	Giỏi
63	121319120	Nguyễn Thị Minh Châu	Nữ	17/06/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	70.50	102	3.10	Khá
64	121319122	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Nữ	03/02/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	73.17	102	3.35	Giỏi
65	121319125	Võ Thị Ngọc Trinh	Nữ	27/09/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	88.83	104	3.52	Giỏi
66	121319126	Phạm Thị Yến Phương	Nữ	03/12/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	73.83	102	3.12	Khá
67	121319127	Lê Thị Thuý Dương	Nữ	07/11/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	ĐĐ	CQ	74.67	102	3.20	Giỏi

Sr	MSSV	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Khóa	Tên ngành học	TĐ	HT ĐT	DRL TL	STC TL	ĐTBC TL	Hạng Tốt nghiệp
68	121319128	Đặng Thị Mỹ	Nữ	07/07/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	73.67	102	3.42	Giỏi
69	121319130	Nguyễn Thị Mỹ	Nữ	20/10/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	73.83	102	3.01	Khá
70	121319136	Nguyễn Thị Kim	Nữ	25/08/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	75.83	102	2.78	Khá
71	121319138	Phan Lê Yến	Nữ	29/05/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	70.33	102	3.11	Khá
72	121319142	Danh Thị Kim	Nữ	18/01/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	77.00	102	3.46	Giỏi
73	121319144	Trần Thị Anh	Nữ	11/05/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	74.50	104	3.28	Giỏi
74	121319145	Lê Thị Thanh	Nữ	03/03/2003	Đồng Tháp	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	72.50	104	3.14	Khá
75	121319146	Đặng Thị Mẫn	Nữ	19/11/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	77.17	104	3.40	Giỏi
76	121319147	Đặng Thị Như	Nữ	26/06/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	79.67	104	3.12	Khá
77	121319149	Huyền Thị Thuý	Nữ	29/05/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	88.83	106	3.30	Giỏi
78	121319150	Nguyễn Thị Anh	Nữ	21/12/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	85.50	106	3.34	Giỏi
79	121319152	Trần Huỳnh	Nữ	02/07/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	75.17	102	3.17	Khá
80	121319155	Trần Lê Ngọc	Nữ	29/09/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	88.67	102	3.09	Khá
81	121319156	Hà Trần Thanh	Nữ	16/08/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	71.17	102	3.09	Khá
82	121319160	Ngô Thị Kim	Nữ	19/10/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	80.33	102	3.24	Giỏi
83	121319162	Trần Thị Diễm	Nữ	24/01/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	75.00	102	2.91	Khá
84	121319163	Trần Thị Anh	Nữ	06/11/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	74.00	104	2.89	Khá
85	121319164	Lê Thị Mai	Nữ	14/02/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	82.67	102	3.05	Khá
86	121319166	Võ Ngọc Tường	Nữ	21/12/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	68.17	102	2.74	Khá
87	121319168	Mai Gia	Nữ	04/09/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	72.00	102	2.93	Khá
88	121319169	Phan Thị Đông	Nữ	29/11/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	79.67	102	3.20	Giỏi
89	121319170	Trần Nguyễn Thanh	Nữ	02/04/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	71.50	102	2.96	Khá
90	121319179	Lê Thị Phương	Nữ	28/04/2003	Vĩnh Long	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	70.33	104	3.02	Khá
91	121319186	Phạm Thị	Nữ	27/07/2002	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	71.33	102	2.95	Khá

Stt	MSSV	Họ tên sinh viên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Khóa	Tên ngành học	TĐ	HT ĐT	ĐRL TL	STC TL	ĐTBC TL	Hạng Tốt nghiệp
92	121319190	Trần Thị Cẩm Hương	Nữ	16/01/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	70.67	102	3.13	Khá
93	121319193	Trương Thị Quỳnh Như	Nữ	08/08/2003	Tiền Giang	Kinh	Việt Nam	2021	Giáo dục Mầm non	CD	CQ	78.00	102	3.10	Khá

Danh sách có 93 sinh viên./.

Thống kê hạng TN	SL	Tỷ lệ
Giỏi	45	48.39%
Khá	48	51.61%
Tổng cộng	93	100%

Thống kê theo trình độ/HTĐT	SL	Tỷ lệ
Cao đẳng chính quy	93	100%
Tổng cộng	93	100%

NGƯỜI LẬP BẢNG



Ngô Vũ Hoàng Trung

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Quang Hiền



Lê Minh Tùng



1000

1000



1000

1000